| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
| Bản án số: 188/2019/HNGĐ-PT.<br>Ngày: 29-11-2019.<br>*V/v: Chia tài sản sau ly hôn.* | **NHÂN DANH**<br>**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI** |

* Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.

- Cỏc thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang và bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Việt Thắng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Vĩnh Thảo, kiểm sát viên.

Ngày 29-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình đã thụ lý số 121/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05-9-2019 do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 28-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm bị đương sự kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm kháng nghị, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/QĐXX-PT ngày 06-11-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2019/QĐHPT-PT ngày 25-11-2019.

Vụ án xét xử giữa:

- Nguyên đơn (kháng cáo): Chị LTTN, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu tập thể liên cơ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Tổ dân phố Thảm Len, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, (*có mặt tại phiên tòa*).

- Bị đơn**:** Anh NVH, sinh năm 1971.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu tập thể liên cơ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Khu tái định cư Chu Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, (*có mặt tại phiên tòa*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông CXH, sinh năm 1963, (*có mặt tại phiên tòa*).

2. Bà NTT, sinh năm 1949, (*có mặt tại phiên tòa*).

3. Ông NVL, sinh năm 1964, (*có mặt tại phiên tòa*).

4. Bà LTT, sinh năm 1970, (*xin xét xử vắng mặt*).

Cùng trú quán: Tổ dân phố liên cơ, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

## TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo án sơ thẩm**:

Chị LTTN và anh NVH đăng ký kết hôn ngày 10-8-1996 và sinh được hai con chung. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể chung sống nên anh NVH xin ly hôn. Tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 18/2017/HNGĐ-ST ngày 12-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã xử cho anh NVH được ly hôn chị LTTN. Hai con chung đã thành niên nên không đặt ra trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng. Do hai bên tự nguyện không yêu cầu phân chia tài sản trong vụ án ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm không giải quyết. Sau khi ly hôn, hai bên không tự phân chia được tài sản và trách nhiệm trả nợ chung nên chị LTTN khởi kiện vụ án với nội dung:

1. Chia tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 122, tờ bản đồ số 18-98-B-2 khu tái định cư, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

2. Chia đôi trách nhiệm trả 3 khoản nợ 170.000.000 đồng, gồm:

- Nợ ông CXH 60.000.000 đồng.
- Nợ bà NTT 10.000.000 đồng.
- Nợ vợ chồng bà LTT, ông NVL 100.000.000 đồng.

Ngoài ra chị LTTN không yêu cầu giải quyết tài sản, công nợ nào khác.

* Anh NVH không đồng ý xác định thửa đất số 122, tờ bản đồ số 18-98-B-2 khu tái định cư, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội là tài sản chung với chị LTTN vì cho rằng đây là thửa đất tái định cư được hình thành từ tiêu chuẩn nhà tập thể mà anh NVH được Xí nghiệp Kiến trúc giao thông 2 phân sử dụng từ năm 1991, trước khi kết hôn với chị LTTN. Nhà đất tập thể bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng Quốc lộ 5B nên được bố trí 40 $m^2$ đất tái định cư. Anh NVH cho rằng quyền sử dụng thửa đất là tài sản riêng. Anh NVH chỉ thừa nhận năm 2012 trong thời kỳ hôn nhân đã cùng chị LTTN xây dựng ngôi nhà 4 tầng trên thửa đất tái định cư này.

Anh NVH cũng thừa nhận 3 khoản vay khi xây nhà là 170.000.000 đồng như chị LTTN khai. Từ tháng 01-2015 chị LTTN bỏ đi thì anh NVH đã trả lãi đến nay.

Anh NVH đề nghị nếu chia tài sản thì xin nhận hiện vật và thanh toán giá trị cho chị LTTN, sau khi đối trừ trách nhiệm trả nợ.

* Ông CXH trình bày: Ngày 01-02 âm lịch Quý Tỵ, tức ngày 12-3-2013 có cho vợ chồng anh NVH, chị LTTN vay số tiền 60.000.000 đồng, không xác định

thời hạn, lãi suất 2% một tháng. Ông CXH thừa nhận anh NVH đã trả lãi đến hết tháng 6-2019 là 64.800.000 đồng nên không yêu cầu giải quyết về lãi.

* Bà NTT trình bày: Ngày 26-01-2011 có cho vợ chồng anh NVH, chị LTTN vay 10.000.000 đồng, lãi suất 2% một tháng. Bà NTT thừa nhận anh NVH đã trả lãi đến hết tháng 6-2019 là 10.800.000 đồng nên không yêu cầu giải quyết về lãi.

* Ông NVL và bà LTT trình bày: Ngày 08-8-2014 có cho vợ chồng anh NVH, chị LTTN vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5% một tháng. Ông NVL và bà LTT thừa nhận anh NVH đã trả lãi đến hết tháng 6-2019 là 81.000.000 đồng nên không yêu cầu giải quyết về lãi.

Ông CXH, bà NTT, ông NVL và bà LTT đề nghị Tòa án phân chia trách nhiệm giao cho 1 trong 2 người là anh NVH hoặc chị LTTN trả gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 28-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã căn cứ Điều 46, Điều 59 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 214, Điều 224 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Xác nhận tài sản chung của chị LTTN và anh NVH gồm 01 nhà 04 tầng và 40,2 $m^2$ đất ở.

1. Giao cho anh NVH 01 nhà 04 tầng nằm trên 40,2 $m^2$ đất ở thửa số 122 tờ bản đồ số 18-98-B-2, địa chỉ: Thôn Chu Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (Có sơ đồ nhà đất kèm theo).

Anh NVH có trách nhiệm trả chị LTTN số tiền 459.602.984 đồng.

2. Về nợ: Anh NVH có trách nhiệm trả ông CXH số tiền 60.000.000 đồng, trả bà NTT số tiền 10.000.000 đồng, trả ông NVL và bà LTT số tiền 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh NVH còn phải trả lãi phát sinh trên số nợ phải trả, mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Chị LTTN phải chịu 28.916.119 đồng án phí chia tài sản chung và 4.250.000 đồng án phí giải quyết nợ, tổng là 33.166.119 đồng, được trừ 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số

AA/2010/00033443 ngày 08-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Anh NVH phải chịu 30.916.119 đồng án phí chia tài sản chung và 4.250.000 đồng án phí giải quyết nợ, tổng là 35.166.119 đồng

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự trong vụ án.

* Sau khi Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử:

- Ngày 09-7-2019 chị LTTN kháng cáo với nội dung Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm chia tài sản chung không phù hợp, đề nghị được chia nhà đất với tỷ lệ 50% và xin nhận nhà đất để sinh sống.

- Ngày 12-7-2019 chị LTTN kháng cáo bổ sung đối với toàn bộ nội dung quyết định của Bản án sơ thẩm và đề nghị xác định lại lãi suất, án phí theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm có Quyết định số 01/KNPT-VKS-DS ngày 12-7-2019 kháng nghị Bản án số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 28-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm vì lý do:

+ Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm công nhận tiền lãi anh NVH đã trả từ tháng 01-2015 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất thỏa thuận là không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

+ Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm quyết định về lãi suất phát sinh kể từ ngày xét xử đến ngày thanh toán hết các khoản tiền vay là không đúng với điểm a Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

+ Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm tính án phí không đúng quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Chị LTTN đồng ý với kháng nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm.

* Quan điểm của anh NVH đồng ý với Bản án sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của chị LTTN và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm.

**Tại phiên tòa phúc thẩm**:

- Chị LTTN giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Anh NVH thay đổi quan điểm về tài sản phân chia, thừa nhận cả nhà và đất là tài sản chung nhưng đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

- Ông CXH, bà NTT và ông NVL (đồng thời là đại diện của bà LTT) đều đề nghị giao cho một trong hai bên là anh NVH hoặc chị LTTN trả nợ. Về số tiền lãi anh NVH đã trả từ 01-2015, nay chị LTTN kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên cho rằng hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án và Hội đồng xét xử phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đương sự đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm và chấp nhận kháng cáo của chị LTTN để sửa Bản án sơ thẩm, tính lại tiền lãi anh NVH đã trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đề nghị xác định lại mức án phí đối với chị LTTN và anh NVH, đồng thời quyết định lãi suất phát sinh sau khi xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:**

[1]. Chị LTTN là nguyên đơn trong vụ án đã gửi đơn kháng cáo ngày 09-7-2019 và nộp tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm nên được coi là kháng cáo hợp lệ.

[2]. Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm ban hành Quyết định số 01/KNPT-VKS-DS ngày 12-7-2019 kháng nghị bản án sơ thẩm là đúng thẩm quyền và đảm bảo thời hạn quy định của pháp luật.

[3]. Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Chia tài sản chung sau ly hôn và giải quyết đúng thẩm quyền cũng như thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Về nội dung kháng cáo:**

[4]. Xác định về tài sản, công sức tạo lập tài sản thì thấy: Nguồn gốc quyền sử dụng thửa đất là được tái định cư do nhà nước thu hồi nhà đất của anh NVH có trước khi kết hôn. Tuy nhiên, trong thời kỳ tồn tại hôn nhân, chị LTTN và anh NVH đã cùng nhau tôn tạo, sử dụng chung tài sản này. Trong quá trình tạo lập nhà đất sau khi được bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, anh NVH đã tự nguyện kê khai,

làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất mang tên 2 vợ chồng. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xác định quyền sử dụng đất là tài sản chung nhưng phần giá trị công sức đóng góp của anh NVH lớn hơn, được chia nhiều hơn là có căn cứ.

[5]. Xét nội dung kháng cáo của chị LTTN đề nghị nhận phần tài sản bằng nhà đất, thấy rằng: Thửa đất 40 $m^2$ chỉ có một cạnh tiếp giáp với đường giao thông và nhà xây đã hết đất, không phù hợp với việc chia hiện vật để sử dụng cùng sau ly hôn. Thực tế anh NVH vẫn đang quản lý nhà đất, chị LTTN không thể sống cùng nên đã đi thuê ở nơi khác. Tại phiên tòa chị LTTN cũng khai thực chất không muốn kiện tranh chấp về tài sản nhưng do anh NVH nói chỉ đưa trả chị LTTN một vài chục triệu là không thỏa đáng nên mới phát sinh tranh chấp. Điều này cho thấy chị LTTN không thực sự cấp thiết về chỗ ở. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã giao cho anh NVH nhà đất đồng thời phải thanh toán giá trị cho chị LTTN giá trị tài sản là có cơ sở. Chị LTTN kháng cáo đề nghị được sử dụng nhà đất và thanh toán tiền cho anh NVH là không phù hợp, nên không được chấp nhận nội dung kháng cáo này.

[6]. Xét nội dung kháng cáo của chị LTTN và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm về khoản tiền lãi anh NVH đã trả, thấy rằng:

[6.1]. Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã giao cho anh NVH trả nợ gốc và xác định tiền lãi đã trả trong thời gian ly thân để đối trừ về nghĩa vụ với chị LTTN là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã công nhận số tiền lãi mà anh NVH đã trả trong thời gian từ tháng 01-2015 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất hai bên vay và cho vay thỏa thuận là không đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 2, Điều 4, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cụ thể: Hợp đồng vay tài sản giữa anh NVH, chị LTTN được xác lập trước ngày 01-01-2017, có thỏa thuận lãi suất và không xác định thời hạn. Hai bên vẫn đang thực hiện hợp đồng tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật đến khi xét xử sơ thẩm. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng và 2%/tháng đều vượt quá 150% so với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm cho vay chỉ là 9%/năm, tức 0,75%/tháng. Do đó, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xác định lãi suất được xác định chỉ là 1,125%/tháng. Cần chấp nhận nội dung kháng cáo và kháng nghị để tính lại tiền lãi mà chị LTTN và anh NVH phải trả từ tháng 01-2015 đến khi xét xử sơ thẩm (hết tháng 6-2019) là 54 tháng. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau:

* Đối với khoản vay ông CXH số tiền 60.000.000 đồng.

1,125% x 60.000.000 đồng x 54 tháng = 36.450.000 đồng.

* Đối với khoản vay bà NTT số tiền 10.000.000 đồng.

1,125% x 10.000.000 đồng x 54 tháng = 6.075.000 đồng.

* Đối với khoản vay ông NVL, bà LTT số tiền 100.000.000 đồng.

- Thời gian từ tháng 01-2015 đến hết tháng 12-2016 là 24 tháng.

1,125% x 100.000.000 đồng x 24 tháng = 27.000.000 đồng.

- Thời gian từ 01-2017 đến khi xét xử sơ thẩm là 30 tháng được chấp nhận với mức lãi suất 1,5%/tháng vì không vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

1,5% x 100.000.000 đồng x 30 tháng = 45.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi theo quy định của pháp luật để tính số tiền anh NVH đã trả từ tháng 01-2015 đến tháng 7-2019 là 114.525.000 đồng.

Cộng cả tiền gốc và tiền lãi để giao trách nhiệm cho anh NVH trả nợ là: 10.000.000 đồng + 60.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 114.525.000 đồng = 284.525.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung (nhà đất) là 1.295.805.968 đồng, trừ nghĩa vụ dân sự là số tiền vay cả gốc và lãi 284.525.000 đồng, còn 1.011.280.968 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm tính công sức tạo lập tài sản cho anh NVH nhiều hơn chị LTTN 50.000.000 đồng là phù hợp và nội dung này không bị kháng cáo, kháng nghị. Còn lại 961.280.968 đồng, chia theo giá trị, chị LTTN và anh NVH mỗi người được 480.640.484 đồng.

Tổng hợp lại, chị LTTN được chia giá trị tài sản 480.640.484 đồng, anh NVH được chia giá trị tài sản 530.640.484 đồng. Giao anh NVH sở hữu nhà và sử dụng đất nên phải thanh toán giá trị tài sản cho chị LTTN là 480.640.484 đồng.

[6.2]. Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xác định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với anh NVH trên giá trị tài sản chung phân chia và số tiền xác định nghĩa vụ trả nợ là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Theo quy định này, chị LTTN phải chịu án phí trên số tiền được chia là 480.640.484 đồng, bằng 23.225.619 đồng. Anh NVH phải chịu án phí trên số tiền 530.640.484 đồng là 25.225.619 đồng.

Ngoài ra, chị LTTN và anh NVH mỗi người phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 284.525.000 đồng, án phí là 14.226.250 đồng, mỗi người phải nộp là 7.113.125 đồng.

Cộng hai khoản án phí, chị LTTN phải chịu 30.338.744 đồng, anh NVH phải chịu 32.338.744 đồng.

[6.3]. Về trách nhiệm thi hành án đối với các khoản tiền.

Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã xác định: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh NVH còn phải trả lãi phát sinh trên số nợ phải trả, mức lãi suất căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là chưa chính xác và không phù hợp quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong vụ án này, anh NVH phải thực hiện 2 phần nghĩa vụ dân sự nên cần xác định như sau:

- Đối với nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng vay tài sản, tại phiên tòa các bên vẫn thỏa thuận trả lãi thì sau khi xét xử sơ thẩm (cuối tháng 6-2019) anh NVH phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đối với khoản nghĩa vụ mà anh NVH thanh toán giá trị tài sản cho chị LTTN hai bên không thỏa thuận về lãi nên anh NVH phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của chị LTTN và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, sửa án sơ thẩm như Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên.

[7]. Kháng cáo được chấp nhận nên chị LTTN không phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ nhận định trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## QUYẾT ĐỊNH

I. Sửa Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 28-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Xác định tài sản chung của chị LTTN và anh NVH gồm 01 nhà 04 tầng và 40,2 $m^2$ đất ở tại thửa số 122 tờ bản đồ số 18-98-B-2, địa chỉ: Thôn Chu Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội có trị giá 1.295.805.968 đồng. Chia cho anh NVH giá trị tài sản là 672.902.984 đồng. Chị LTTN được chia giá trị là 622.902.984 đồng.

Giao cho anh NVH sở hữu ngôi nhà 04 tầng xây dựng trên 40,2 $m^2$ đất ở thửa số 122 tờ bản đồ số 18-98-B-2, địa chỉ: Thôn Chu Xá, xã Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Anh NVH phải thanh toán cho chị LTTN 622.902.800 đồng.

2. Xác định nợ chung của chị LTTN và anh NVH đối với ông CXH là 60.000.000 đồng, bà NTT là 10.000.000 đồng và vợ chồng ông NVL, bà LTT là 100.000.000 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao trách nhiệm cho anh NVH trực tiếp trả toàn bộ số nợ nêu trên.

Chị LTTN phải thanh toán cho anh NVH ½ nghĩa vụ trả nợ chung, bằng 85.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh NVH phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xác định khoảng thời gian anh NVH đã trả lãi trên số tiền nợ chung từ tháng 01-2015 đến khi xét xử sơ thẩm (cuối tháng 6-2019) là 54 tháng. Số tiền lãi đối với từng khoản nợ phải trả ông CXH là 36.450.000 đồng, trả bà NTT là 6.075.000 đồng và trả ông NVL, bà LTT là 62.000.000 đồng. Tổng cộng 114.525.000 đồng.

Buộc chị LTTN phải thanh toán trả anh NVH ½ tiền lãi đã trả là 57.262.500 đồng.

4. Sau khi đối trừ các khoản nghĩa vụ thanh toán như trên, anh NVH còn phải trả chị LTTN số tiền 480.640.484 đồng.

Kể từ ngày chị LTTN có đơn yêu cầu thi hành án mà anh NVH chậm trả khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Chị LTTN phải chịu 30.338.744 đồng, được trừ 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 33443 ngày 08-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Chị LTTN còn phải nộp 14.338.744 đồng án phí.

Anh NVH phải chịu 32.338.744 đồng án phí dân sự chia tài sản và trách nhiệm trả nợ.

II. Về án phí phúc thẩm: Chị LTTN không phải chịu án phí Hôn nhân & Gia đình phúc thẩm. Trả lại chị LTTN 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 4556 ngày 09-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Trí Cường**

**Nơi nhận**:
*- VKSND thành phố Hà Nội;*
*- TAND huyện Gia Lâm;*
*- VKSND huyện Gia Lâm;*
*- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu VP-TAHN/hồ sơ vụ án.*